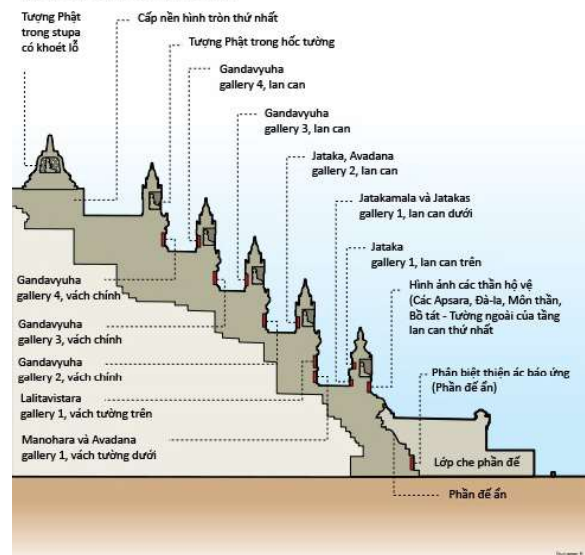


Vị trí các cụm tự sự phù điêu (narrative reliefs stories) ở Borobudur  
Borobudur, Central Java, Indonesia



Ảnh 1, 2: Mặt bằng đền Borobudur và thứ tự các phù điêu ở phần đế ẩn [theo Chutiwongs] - Mặt cắt thể hiện nội dung phù điêu ở các tầng [theo Wikipedia]

# Phần nền đế bị lấp ẩn của Borobudur

Nandana Chutiwongs (\*)

Borobudur ở Trung Java là một trong những di tích đền thờ kỳ vĩ nhất của các tín đồ Phật giáo và của cả nhân loại. Được xây dựng trên đảo Java vào khoảng năm 800, nó đã bị bỏ mặc khi trung tâm chính trị và văn hóa được chuyển tới khu vực phía đông của Java khoảng năm 920. Dù thời hoàng kim của nó có thể đã qua đi, nhưng có nhiều lý do để tin rằng kiến trúc này không hề bị lãng quên bởi những người cai trị, giới tinh hoa và dân chúng. Nó có thể đã thuộc thẩm quyền cai quản của các vị vua Majapahit (1) trong thế kỷ 14 – 16, ngay cả khi định hướng tôn giáo của những người sử dụng đài thờ này đã rõ ràng thay đổi.

Di tích này đã được người châu Âu khảo sát trong những năm đầu thế kỷ 19, ngày càng được thám phục và nghiên cứu sâu, rồi được trùng tu hai lần, lần đầu vào năm 1909-1911 và một lần nữa trong thời gian 1971 – 1978. Hai thế kỷ cho những nghiên cứu học thuật, tranh luận, suy xét và phỏng đoán đã trôi qua. Tuy nhiên, Borobudur vẫn chưa hé lộ hết tất cả các bí mật và ý nghĩa của mình.

Một trong những nét hấp dẫn nhất của Borobudur là phần đế bị che phủ của nó. Việc xây dựng công trình có thể đã bắt đầu khoảng năm 778 – giai đoạn quan trọng với

uy thế của vương triều Shailendra trên Tuyến hàng hải Đông Nam Á, và được tiếp tục cho đến khoảng năm 820, không xa thời điểm kết thúc uy quyền của Shailendra tại Java. Dường như phần lớn các giai đoạn xây dựng và cả việc lắp lại đoạn nền đế thấp nhất của công trình, theo Dumarçay (2), diễn ra khoảng năm 792.

Phần đế bị che phủ này được phát hiện bởi IJerman, kiến trúc sư kiêm kỹ sư Cục khảo cổ của lãnh thổ Đông Ấn thuộc Hà Lan (3) vào năm 1885. Có 160 tấm phù điêu đã được xác nhận tìm thấy. Trong năm 1890 và 1891, những phù điêu này được bóc gỡ từng phần để chụp ảnh lại, và sau đó lại lắp đi. Ngày nay, chỉ có hai tấm phù điêu nguyên vẹn và hai nửa tấm ở góc đông nam là lộ ra để xem được (\*\*). Các phù điêu, cũng như phần lớn những chữ khắc trên đó, đã được nghiên cứu thông qua các bản in từ bộ ảnh quý giá ấy. Nhiều người cùng góp phần vào việc làm phát lộ ra ý nghĩa của chúng. Nhờ vào những nỗ lực của các học giả xuất sắc như Krom, Sylvain Lévi, Hikata hay Fontein (4), 160 đoạn phù điêu đã được xác định là phần lớn dựa theo nội dung một văn bản Ấn Độ, mà bản gốc có lẽ đã được viết bằng tiếng Sanskrit, được biết đến với tên gọi *Karmavibhanga* hoặc *Mahakarmavibhanga* (5). Ngày nay một số phiên bản trong tiếng

Sanskrit, tiếng Pali, Trung Quốc, Tây Tạng và vài ngôn ngữ Trung Á cũng đã được nhận diện. Chúng khác biệt nhau đôi chút, mặc dù cốt truyện về cơ bản tương đồng. Chủ đề chính là sự diễn giải giáo lý đạo Phật về báo ứng, nhân quả (6).

Việc tại sao các phù điêu được lắp phủ như phế tích vẫn còn là một bí ẩn. Có nhiều giả thuyết khác nhau lưu hành, khác biệt theo lý do xây dựng (phần chân đế bị đắp phủ tạo thành tầng nền vững chãi hơn cho bảo tháp) hoặc các lý do tạo hình (tầm nhìn quan sát các khung cảnh được miêu tả không phù hợp với khả năng thị giác của người xem). Các bức ảnh của Kasian Cephas (6) từ những năm 1890 là cơ sở cho khảo cứu này. Bảo tàng Cổ vật Quốc gia vốn đã tặng chúng cho Bảo tàng Dân tộc học năm 1903.

Nội dung chính của các phù điêu tập trung vào việc ban thưởng và trừng phạt. Bên cạnh những hình ảnh của thiên đường và địa ngục, có những khung cảnh về cuộc sống hàng ngày, sự thành đạt nơi thế gian và các biến cố của đời người, những điều tốt và xấu được kết nối với những hành vi từ quá khứ và định đoạt việc thưởng hoặc phạt trong tương lai. Đồng thời, các bức phù điêu cho thấy một hình dung về đời sống thường nhật tại Java vào cuối thế kỷ thứ tám, thứ chín...



Ảnh 3,4: Đề tài thưởng và phạt. Phù điêu 36 - cảnh trần thế. Phù điêu 89 - địa ngục cho những kẻ phạm tội.

**Phân loại nội dung cơ bản của các phù điêu ở phần đế bị lấp ẩn:**

1. Thưởng và phạt - Reward and retribution [có thể hiểu là *quả báo* 果報, *báo ứng* 報應 (người dịch - ND)].
2. Hạnh phúc và thành đạt nơi cõi người - Happiness and success in the world of man.
3. Sự thăng hoa của hạnh phúc chốn thiên đường - Sublimation of happiness in paradise [có thể hiểu là cõi *cực lạc* 極樂 (ND)].
4. Lối sống trong các hộ giàu có - Lifestyle in wealthy household.
5. Kẻ nghèo khó, kẻ thấp hèn và kẻ xấu xí - The poor, the lowly born and the ugly.
6. Trò tiêu khiển và thú vui - Pastime and amusements [có thể hiểu là những *lạc thú* 樂趣 (ND)].
7. Môi trường tự nhiên và kiến trúc - Natural and architectural environment.
8. Phát nguyện tu hành Phật pháp - Professed norm of Buddhist practice and piety.
9. Những đề tài khác - Others.

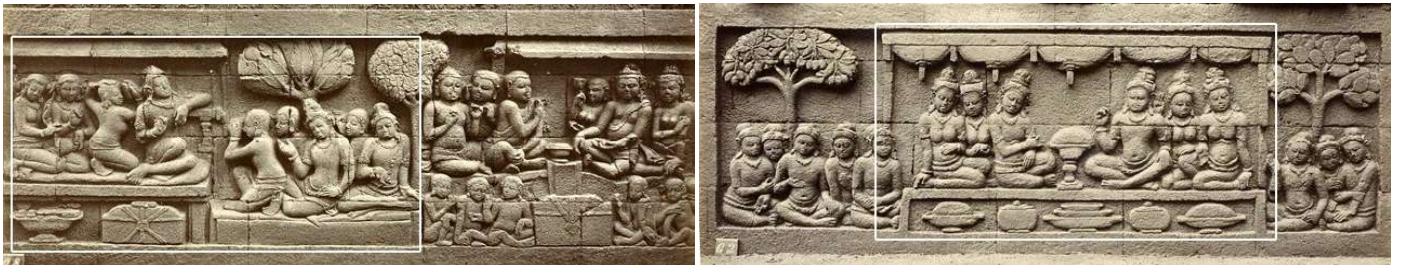
[Nhóm đề tài khác bao gồm khoảng trên 100 bức phù điêu mà tác giả Chutiwongs chưa phân tích (ND)]



Ảnh 5,6: Đề tài **hạnh phúc và thành đạt nơi trần thế**. Phù điêu 97 - sự phong phú của thực phẩm và đồ uống. Phù điêu 123 - cây trồng tốt là cơ sở vững chắc cho sự sung túc.



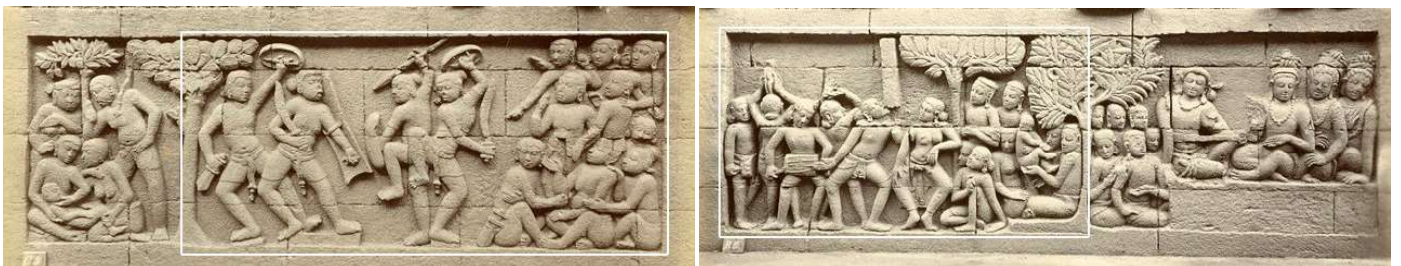
Ảnh 7,8: Đề tài **sự thăng hoa của hạnh phúc chốn thiên đường**. Phù điêu số 137 - một cảnh thiên đường. Phù điêu số 147 - ngôi đền ở thiên đường.



Ảnh 9,10: Đề tài **lối sống ở các hộ giàu có**. Phù điêu số 67 - sáng khoái bên hiên vườn xinh cùng các vợ yêu. Phù điêu số 128 - đàm luận trong dịp lễ hội.



Ảnh 11,12: Đề tài **kẻ nghèo, tầng lớp thấp kém và người xấu xí**. Phù điêu số 25 - người ăn xin già và xấu sợ hãi trước sự tấn công của đám đàn ông giận dữ. Phù điêu số 118 - lao động thường nhật của giới nghèo hèn.



Ảnh 13,14: Đề tài **thú tiêu khiển và giải trí**. Phù điêu số 5 - biểu diễn vũ điệu chiến binh. Phù điêu số 52 - nghệ thuật nhào lộn và xiếc.



Anh 15,16: Đề tài *môi trường thiên nhiên và kiến trúc*. Phù điêu số 47 - quần thể tu viện giữa rừng cây. Phù điêu số 109 - cửa cái từ rừng vàng biển bạc



Anh 17,18: Đề tài *phát nguyện tu hành Phật pháp*. Phù điêu số 81 - tôn sư trọng đạo. Phù điêu số 150 - cung tiễn cho các tu sĩ Phật giáo.



Anh 19, 20: Một số mảng chạm khắc dở dang chưa hoàn chỉnh (phù điêu số 3, 4)



Anh 21, 22: Hai bức phù điêu góc đông - đông nam hiện lộ ra có thể quan sát được (phù điêu số 20, 19)



Anh 23, 24: Hai bức phù điêu góc nam - đông nam hiện lộ ra có thể quan sát được (phù điêu số 22, 21)

(Nguyễn Hà trích dịch từ nguồn: <http://masterpieces.asemus.museum/borobudur/story0.html>)

**Chú thích:** (của người dịch)

\* Nandana Chutiwongs tốt nghiệp cử nhân về khảo cổ học và nghệ thuật cổ vùng Nam - Đông Nam Á, Đại học Silpakorn Bangkok năm 1963, Thạc sĩ về các văn hóa và ngôn ngữ Indo-Iranian, Đại học Amsterdam năm 1969, và lấy học vị tiến sĩ tại Đại học Leiden ở Hà Lan năm 1984. Bà chuyên giảng dạy và nghiên cứu về đồ tượng học, nghệ thuật và văn hóa Phật giáo vùng Trung Á, Himalaya, Nam - Đông Nam Á.

\*\* Trên thực tế, ở góc đông nam hiện tại lộ ra 4 bức phù điêu và một nửa bức. So sánh theo bộ ảnh của Cephas thì nó có thứ tự là 19, 20, 21, 22 và nửa bức 23. Nếu vậy sơ đồ mặt bằng trong bài khảo cứu của bà Chutiwongs có phần khó hiểu, vì bà gán các ảnh từ 1 đến 40 vào góc tây nam của sơ đồ. Chúng tôi đã mạn phép xoay sơ đồ của Chutiwongs lại cho khớp theo hướng bắc đúng ở phía trên (xem ảnh 1).

1. Vương quốc ở Đông Java, tồn tại trong giai đoạn khoảng 1293-1500.
2. Jacques Dumarçay: sinh năm 1926, kiến trúc sư người Pháp, thành viên EFEO từ 1964 (cho đến khi nghỉ hưu 1991).
3. Nay là lãnh thổ Indonesia.
4. Sylvain Lévi (1863-1935): nhà Đông phương học và Ấn Độ học người Pháp.  
Nicolaas Johannes Krom (1883-1945): nhà khảo cổ người Hà Lan.  
Ryusho Hikata (1892-1991): học giả nghiên cứu Phật giáo người Nhật Bản.  
Jan Fontein: nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật Á châu, sinh tại Hà Lan năm 1927, nguyên Giám đốc Bảo tàng nghệ thuật Boston.
5. Great Exposition of the Law of Karma – *Phân biệt thiện ác báo ứng kinh* (分別善惡報應經).  
Chữ Karma trong Phật giáo hiểu là *Nghiệp*, tức cũng hiểu là nói về nhân quả.
6. Kasian Cephas (1844-1912): Nhiếp ảnh gia người Indonesia.